

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST
Ngày: 09-12-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Khắc Quỳnh;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng B, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã H (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án)

Địa chỉ: Số 119 đường L, khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Như T, Chức vụ: Phó Giám đốc (theo Quyết định số 136/QĐ-NHCS, ngày 23/09/2019 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã H về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án); (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Đồng Bị đơn: Anh Trần Thanh S, sinh năm: 1969; chị Lê Thị Thu V, sinh

năm 1971; anh Trần Thanh N, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Số 6B, tổ 9, ấp T, xã Tr, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28-5-2021, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C trình bày:

Trên cơ sở xác nhận và đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Tr, thị xã H về việc xin vay vốn các chương trình tín dụng ưu đãi của Ngân hàng C. Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã H phê duyệt cho vay như sau: Ngày 21/03/2014, ông Trần Thanh S, vợ là bà Lê Thị Thu V có vay vốn của Ngân hàng C thị xã H chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 8.000.000 đồng.

Tính đến ngày 09/12/2021, hộ Trần Thanh S còn nợ Ngân hàng C thị xã H tổng số tiền là 11.616.070 đồng. Trong đó: tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi: 4.616.070 đồng; nợ đã quá hạn kể từ ngày 18/03/2019.

Nay Ngân hàng C thị xã H yêu cầu ông Trần Thanh S, vợ là bà Lê Thị Thu V và anh Trần Thanh N (con của ông S, bà V) có trách nhiệm trả số tiền 11.616.070 đồng; trong đó: tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi: 4.616.070 đồng và lãi phát sinh tính kể từ ngày 10/12/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng C. Buộc ông Trần Thanh S, bà Lê Thị Thu V có trách nhiệm trả số tiền 11.616.070 đồng; trong đó: tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi: 4.616.070 đồng và lãi phát sinh tính kể từ ngày 10/12/2021.

Về án phí: Buộc ông Trần Thanh S, bà Lê Thị Thu V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng

hay trở ngại khách quan nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 12 tháng 02 năm 2014, sổ vay vốn và sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay (bút lục số 06, 07, 08) giữa người vay ông Trần Thanh S, người thừa kế bà Lê Thị Thu V với bên cho vay Ngân hàng C thị xã H đã thể hiện ông S bà V có vay của Ngân hàng C số tiền 8.000.000 đồng; ngày nhận tiền 21/3/2014; mục đích vay xây nhà vệ sinh và mua bồn nước; lãi suất 0,8%/tháng; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 6 tháng một lần; hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/3/2019. Ngày 10 tháng 11 năm 2014 ông S bà V đã trả được số tiền 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng vốn vay cho đến nay ông S bà V còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc 7.000.000 đồng. Do ông S bà V không thanh toán số tiền trên đúng theo điều khoản hợp đồng đã được ký kết nên đã vi phạm nghĩa vụ và xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Trần Thanh S, bà Lê Thị Thu V có trách nhiệm trả tiền nợ gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử: 4.616.070 đồng (lãi quá hạn từ ngày 18/3/2019) và lãi suất phát sinh tính kể từ ngày 10/12/2021 theo mức lãi suất của hợp đồng đã ký kết là phù hợp nên chấp nhận.

Tuy nhiên, Ngân hàng C yêu cầu anh Trần Thanh N (con của ông S, bà V) cùng có trách nhiệm trả số tiền trên là không phù hợp vì tại thời điểm Ngân hàng cho vay anh N đã thành niên nhưng không thể hiện ý kiến của anh trong hợp đồng và trong quá trình sử dụng vốn vay không chứng minh được anh N cùng sử dụng với mục đích vay như trên. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh N cùng có trách nhiệm trả nợ không được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Thanh S, bà Lê Thị Thu V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C (VBSP);

Buộc ông Trần Thanh S, bà Lê Thị Thu V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng C số tiền 11.616.070 đồng (mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn lẻ bảy mươi đồng); trong đó: tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi: 4.616.070 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm nếu ông Trần Thanh S, bà Lê Thị Thu V chưa thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo điều khoản Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh S, bà Lê Thị Thu V phải chịu 580.000 đồng (năm trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí và thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không được hoàn trả lại.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm